

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23-10-2019

V/v tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

2. Ông Phạm Đức Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Công M**, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị **Lê Thị Phương D**, sinh năm 1988.

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Khóm T, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**
– Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Bình.

- Người làm chứng: Bà Trần Thị H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Bà H có mặt, anh M, chị D, bà Hương vắng mặt. Anh M, chị D đều có đơn xin

xét xử vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2019 và tại bản tự khai ngày 30/8/2019, nguyên đơn anh Lê Công M trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Phương D tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 29/4/2014. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Anh chị chung sống hòa thuận được khoảng hơn 01 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D sức khỏe yếu, chậm chạp, cả hai anh chị đều bị khuyết tật câm điếc bẩm sinh, bên cạnh đó do sinh hoạt vùng M khác nhau nên tính tình vợ chồng của anh và chị D cũng không hợp nhau. Vì thế đến tháng 8/2018, chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở huyện T, tỉnh Đồng Tháp ở, anh lại không muốn vào Đồng Tháp sinh sống cùng chị D, nên vợ chồng anh chị sống ly thân từ thời điểm đó. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, gia đình anh có khuyên giải cả hai anh chị nhưng không có kết quả. Đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân của anh chị không có khả năng đoàn tụ nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị D không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, cũng không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại Văn bản trình bày ý kiến và xin giải quyết vắng mặt, bị đơn chị Lê Thị Phương D trình bày như sau:*** Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống như anh M trình bày. Quá trình chung sống, chị và anh M có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, hơn nữa hoàn cảnh của chị từ trước đến nay đã quen sống ở tỉnh Đồng Tháp, anh M thì sống ở tỉnh Thái Bình nên khoảng cách vợ chồng quá xa xôi. Nay anh M có đơn xin ly hôn chị nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của anh M. Về con chung: Chị và anh M không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị và anh M không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản. Chị đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình giải quyết ly hôn cho chị và anh M. Tuy nhiên hiện nay do chị đang sống ở tỉnh Đồng Tháp, chị bận làm ăn, đi lại nhiều khó khăn nên chị đề nghị Tòa án tạo điều kiện giải quyết ly hôn theo thủ tục vắng mặt chị trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.

**** Bà Trần Thị H, sinh năm 1960, trú tại thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình là mẹ đẻ của anh Lê Công M trình bày:*** Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá

trình chung sống, nguyên nhân, mâu thuẫn vợ chồng như anh M trình bày. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, gia đình bà có khuyên giải cả hai anh chị nhưng không có kết quả. Đến nay, anh M có đơn xin ly hôn chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn vì anh chị không có khả năng đoàn tụ. Về con chung và tài sản chung: Anh M và chị D không có con nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy anh M cũng là người cầm đầu bầm sinh, nhưng gia đình bà đã cho anh M đi học nên hiện tại anh M đã biết đọc, biết viết.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị D của anh M và anh M không phải chịu án phí.

* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về nội D vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: đề nghị xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh M để xử cho anh M được ly hôn chị D. Về quan hệ con chung: Anh M và chị D không có con chung, không đặt ra giải quyết; Về quan hệ tài sản: Không có nên không đặt ra giải quyết. Án phí: Anh M được miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn cư trú tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; bị đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình là nơi giải quyết ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã có văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án và đều có đơn xin xét xử vắng mặt

nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3] Về nội D vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận được hơn một năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D sức khỏe yếu, cả hai anh chị đều bị khuyết tật câm điếc bẩm sinh, mặt khác do sinh hoạt vùng M khác nhau nên tính tình vợ chồng của anh chị cũng không hợp nhau. Đến tháng 8/2015, chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp sống nên vợ chồng anh chị đã ly thân từ thời điểm đó. Khi mâu thuẫn của anh chị xảy ra, gia đình hai bên đã khuyên bảo, động viên cho anh chị nhưng không có kết quả. Anh M và chị D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn nên anh chị đều nhất trí ly hôn. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa anh M và chị D không đạt được, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, vì vậy cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh M được ly hôn chị D.

[3.2] Về quan hệ con chung: Anh M và chị D không có con chung, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3.3] Về quan hệ tài sản: Anh M và chị D không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh M có đơn xin miễn toàn bộ án phí ly hôn, xét thấy anh M là người khuyết tật câm điếc bẩm sinh, không thể đi làm kiếm sống nên không có thu nhập, hiện tại đang phải sống dựa vào bố mẹ, vì vậy cần chấp nhận đơn xin miễn án phí của anh M là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh M được hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Công M được ly hôn chị Lê Thị Phương D

[2]. Về quan hệ con chung: Anh Lê Công M và chị Lê Thị Phương D không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Anh Lê Công M và chị Lê Thị Phương D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Lê Công M. Hoàn trả lại cho anh M số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003545 ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

[5]. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Công M và chị Lê Thị Phương D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: 15/2014 quyền 01 ngày 29/4/2014);
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương